

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Bá Trí

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số: 610HN/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1



Lê Huy Bình
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4779-2019-042-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2021
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		546.600.408.594	637.438.739.817
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	48.967.931.658	19.124.588.246
1. Tiền	111		48.967.931.658	19.124.588.246
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5	231.556.411.190	280.046.454.208
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		214.043.788.902	215.351.902.867
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.370.892.501	32.090.958.851
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.667.186.556	7.667.186.556
4. Các khoản phải thu khác	136		15.015.650.323	37.571.057.224
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.541.107.092)	(12.634.651.290)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		254.585.559.395	330.005.591.515
1. Hàng tồn kho	141		254.585.559.395	330.005.591.515
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		11.490.506.351	8.262.105.848
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		705.690.737	662.555.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.586.965.059	7.446.516.384
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		197.850.555	153.034.414
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182.276.633.659	160.161.510.382
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1.720.203.000	2.320.203.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.720.203.000	2.320.203.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		138.456.289.276	109.714.267.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	90.200.979.809	56.381.969.889
Nguyên giá	222		175.157.072.556	129.279.330.326
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.956.092.747)	(72.897.360.437)
2. Tài sản thuê tài chính	224	7	15.265.356.556	20.155.638.292
Nguyên giá	225		24.461.408.181	24.461.408.181
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.196.051.625)	(4.305.769.889)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	32.989.952.911	33.176.659.262
Nguyên giá	228		34.759.690.354	34.378.700.378
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.769.737.443)	(1.202.041.116)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	9	12.859.172.931	-
Nguyên giá	241		12.859.172.931	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.887.418.718	25.219.763.860
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.887.418.718	25.219.763.860
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		25.738.518.289	21.805.952.811
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	16.788.518.289	12.555.952.811
2. Đầu tư dài hạn khác	253	11	8.950.000.000	9.250.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.615.031.445	1.101.323.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.615.031.445	1.101.323.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		728.877.042.253	797.600.250.199

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		411.817.247.808	497.116.440.060
I. Nợ ngắn hạn	310		317.472.531.754	389.458.920.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		68.533.646.534	82.879.751.850
2. Người mua trả tiền trước	312		103.620.648.530	159.391.520.819
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	10.470.054.917	11.672.413.206
4. Phải trả công nhân viên	314		285.300.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.025.795.357	9.953.275.870
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.860.347.645	16.667.027.858
7. Vay ngắn hạn	320	13	98.856.812.357	91.820.013.236
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	6.030.654.543	6.994.877.649
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		12.789.271.871	10.080.039.942
II. Nợ dài hạn	330		94.344.716.054	107.657.519.630
1. Phải trả dài hạn khác	337		5.790.500.000	840.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	88.554.216.054	106.817.519.630
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317.059.794.445	300.483.810.139
I. Vốn chủ sở hữu	410		317.059.794.445	300.483.810.139
1. Vốn điều lệ	411	16	159.667.160.000	152.064.570.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		159.667.160.000	152.064.570.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.854.834.000	10.854.834.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.762.582.000	13.105.282.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.441.315.332	22.441.315.332
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.541.709.243	5.272.637.821
6. Lợi nhuận chưa phân phối:	421		17.640.964.802	23.883.568.797
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.184.773.677)	3.193.078.218
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.825.738.479	20.690.490.579
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	18	79.151.229.068	72.861.602.189
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		728.877.042.253	797.600.250.199


PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng	01		749.869.182.815	889.429.883.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	19	749.869.182.815	889.429.883.367
4. Giá vốn hàng bán	11	20	599.322.411.638	738.023.830.837
5. Lợi nhuận gộp	20		150.546.771.177	151.406.052.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	217.891.343	2.018.156.083
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	16.689.025.704	13.921.285.959
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.766.990.486	12.948.287.597
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	10	(949.696.006)	(3.649.297.133)
9. Chi phí bán hàng	25	23	15.784.794.146	18.137.140.546
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	72.182.563.563	68.101.834.315
11. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		45.158.583.101	49.614.650.660
12. Thu nhập khác	31		440.917.231	4.542.342.313
13. Chi phí khác	32		344.733.013	6.608.346.954
14. Lợi nhuận khác	40		96.184.218	(2.066.004.641)
15. Lãi kế toán trước thuế	50		45.254.767.319	47.548.646.019
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	9.100.964.325	11.262.958.776
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.153.802.994	36.285.687.243
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		25.494.469.022	23.673.829.659
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		10.659.333.972	12.611.857.584
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.235	1.096

PHAN QUANG VINH**Kế toán trưởng**

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

**NGUYỄN BÁ TRÍ****Tổng Giám đốc**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ khác	Quỹ Đầu tư & Phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích của cổ đồng thiểu số		Tổng cộng
						VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	138.292.410.000	10.854.834.000	13.105.282.000	4.627.710.166	26.537.494.680	17.913.022.914	75.221.566.952			286.552.320.712
Tăng vốn trong năm	13.772.160.000	-	-	-	-	(6.913.930.000)	758.865.400			7.617.095.400
Lợi nhuận	-	-	-	2.830.657.532	152.681.548	23.673.829.659	12.611.857.584			36.285.687.243
Trích quỹ	-	-	-	-	-	(2.983.339.080)	-			-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.299.284.251)	-	(4.643.776.618)	-			(4.643.776.618)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	-	-			(1.299.284.251)
Cổ tức	-	-	-	(886.445.626)	(4.248.860.896)	(8.297.544.600)	(15.730.687.747)			(24.028.232.347)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	5.135.306.522	-			-
Tại ngày 31/12/2019	152.064.570.000	10.854.834.000	13.105.282.000	5.272.637.821	22.441.315.332	23.883.568.797	72.861.602.189			300.483.810.139
Tăng vốn trong năm	7.602.590.000	-	7.657.300.000	-	-	(19.093.110.000)	3.833.220.000			-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	25.494.469.022	10.659.333.972			36.153.802.994
Trích quỹ	-	-	-	2.668.730.543	-	(2.668.730.543)	-			-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(3.769.718.146)	-			(3.769.718.146)
Chi từ quỹ	-	-	-	(1.399.659.121)	-	-	-			(1.399.659.121)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(7.603.228.500)	(8.012.474.406)			(15.615.702.906)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	1.397.714.172	(190.452.687)			1.207.261.485
Tại ngày 31/12/2020	159.667.160.000	10.854.834.000	20.762.582.000	6.541.709.243	22.441.315.332	17.640.964.802	79.151.229.068			317.059.794.445

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	45.254.767.319	47.548.646.019
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.516.710.373	10.746.902.472
Các khoản dự phòng	03	(964.223.106)	37.940.276
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(56.841.160)	4.512.319.720
Chi phí lãi vay	06	15.766.990.486	12.948.287.597
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.517.403.912	75.794.096.084
Tăng các khoản phải thu	09	45.904.778.202	(25.816.043.194)
Giảm hàng tồn kho	10	75.420.032.120	55.599.651.030
Giảm các khoản phải trả	11	(84.312.040.342)	(13.484.593.537)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(556.843.864)	(256.871.704)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.091.420.405)	(11.308.541.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.343.480.894)	(16.750.502.692)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.399.659.121)	(2.185.729.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	97.089.269.608	61.591.464.790
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(35.785.559.995)	(47.850.542.440)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.675.000.000)	(6.690.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	27.080.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	56.841.160	62.727.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.403.718.835)	(27.397.815.099)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	-	7.617.095.400
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	240.836.087.798	308.853.114.452
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(252.062.592.253)	(325.076.973.523)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.615.702.906)	(24.028.232.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.842.207.361)	(32.634.996.018)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	29.843.343.412	1.558.653.673
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.124.588.246	17.565.934.573
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	48.967.931.658	19.124.588.246


PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (gọi tắt là “Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0314092636, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2016 và đăng ký sửa đổi lần thứ năm (05) ngày 27/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Sản xuất máy thông dụng khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Tập đoàn có 8 công ty con và 5 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b. quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Tâm	58,60%	58,60%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	98,75%	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	70,31%	70,31%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	96,56%	100%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	63,28%	63,28%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí	59,76%	59,76%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Recom	66,85%	66,85%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	70,00%	70,00%	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b. quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
Công ty TNHH Maviflex Châu Á	24,15%	24,15%	Sản xuất cửa kho lạnh
Công ty TNHH Kho lạnh Biển Sáng	12,86%	12,86%	Dịch vụ kho lạnh
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	50,00%	50,00%	Thiết bị Inox
Công ty TNHH Hiệu suất XAERUS Việt Nam	30,00%	30,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.974.584.643	2.193.508.334
Tiền gửi ngân hàng	46.993.347.015	16.931.079.912
VND	36.552.663.760	15.737.615.284
USD	10.418.968.064	1.178.509.713
EUR	21.715.191	14.954.915
	48.967.931.658	19.124.588.246

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(1) 214.043.788.902	215.351.902.867
Trả trước cho người bán	(2) 15.370.892.501	32.090.958.851
Phải thu cho vay ngắn hạn	(3) 7.667.186.556	7.667.186.556
Phải thu khác	(4) 15.015.650.323	37.571.057.224
	252.097.518.282	292.681.105.498
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(20.541.107.092)	(12.634.651.290)
	231.556.411.190	280.046.454.208

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)****(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hoa Hồng	7.697.558.523	7.697.558.523
Công ty Cổ phần Ống thép Hà Nội	8.778.938.000	-
Công ty CP ĐT TM DV Gigamal	11.577.411.076	8.356.400.253
Công ty CP ĐTPT Đô thị Long Giang	8.523.803.596	8.821.403.596
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu Khí - Công ty CP	7.554.929.251	7.554.929.251
Asahi Planning Office Inc	8.686.510.871	7.861.246.725
Công ty TNHH Bệnh viện Phương Nam	9.349.940.762	7.935.872.945
Công ty TNHH Kho lạnh Biển Sáng	6.797.997.630	20.154.197.630
Công ty Cổ phần Thủy sản Chất Lượng Vàng	28.940.889.065	28.940.889.065
Các khách hàng khác	116.135.810.128	118.029.404.879
	214.043.788.902	215.351.902.867

(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Công Nghệ Tiên Tiến Việt Nam	-	820.233.216
Công ty TNHH Kobelco Compressors Việt Nam	6.537.866.500	-
Danfoss Singapore Pte. Ltd	1.844.619.091	-
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	-	3.359.582.506
Các khách hàng khác	6.988.406.910	27.911.143.129
	15.370.892.501	32.090.958.851

(3) Cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH KM Phương Nam	6.228.597.283	6.228.597.283
Công ty TNHH Thanh Khiết	1.438.589.273	1.438.589.273
	7.667.186.556	7.667.186.556

(4) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu tạm ứng	600.000.000	6.408.240.000
Ký cược, ký quỹ	2.211.062.465	3.563.640.893
Phải thu ngắn hạn khác (*)	12.204.587.858	27.599.176.331
	15.015.650.323	37.571.057.224

(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA	3.587.290.000	8.454.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	3.987.247.858	14.515.126.331
	12.204.587.858	27.599.176.331

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 01/01/2020	100.859.451.934	15.713.523.745	9.664.606.531	3.041.748.116	129.279.330.326
Tăng	56.918.100.015	393.284.000	-	157.920.000	57.469.304.015
+ Mua trong năm	9.225.732.408	393.284.000	-	157.920.000	9.776.936.408
+ XDCB chuyển sang	47.692.367.607	-	-	-	47.692.367.607
Thanh lý	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(11.591.561.785)	-	-	-	(11.591.561.785)
Tại 31/12/2020	146.185.990.164	16.106.807.745	9.664.606.531	3.199.668.116	175.157.072.556

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2020	59.707.510.326	5.348.554.864	5.657.187.632	2.184.107.615	72.897.360.437
Khấu hao:	9.234.482.449	1.577.405.323	953.764.672	307.321.567	12.072.974.011
+ Trích trong năm	9.234.482.449	1.577.405.323	953.764.672	307.321.567	12.072.974.011
Thanh lý	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(14.241.701)	-	-	-	(14.241.701)
Tại 31/12/2020	68.927.751.074	6.925.960.187	6.610.952.304	2.491.429.182	84.956.092.747

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2020	41.151.941.608	10.364.968.881	4.007.418.899	857.640.501	56.381.969.889
Tại 31/12/2020	77.258.239.090	9.180.847.558	3.053.654.227	708.238.934	90.200.979.809

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 11.262.516.986 VNĐ (31/12/2019: là 6.908.470.142 VNĐ)

Tập đoàn đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

- + 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 11 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Tập đoàn.
- + 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 13 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị
NGUYÊN GIÁ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2020	24.461.408.181
Tại ngày 31/12/2020	24.461.408.181
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2020	4.305.769.889
Khấu hao trong năm	4.890.281.736
Tại ngày 31/12/2020	9.196.051.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2020	20.155.638.292
Tại ngày 31/12/2020	15.265.356.556

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại 01/01/2020	32.971.000.376	1.407.700.002	34.378.700.378
Tăng trong năm	828.367.906	820.233.216	1.648.601.122
+ Mua trong năm	828.367.906	820.233.216	1.648.601.122
Phân loại lại	(1.267.611.146)	-	(1.267.611.146)
Tại 31/12/2020	32.531.757.136	2.227.933.218	34.759.690.354
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2020	-	1.202.041.116	1.202.041.116
Khấu hao trong năm	-	567.696.327	567.696.327
Tại 31/12/2020	-	1.769.737.443	1.769.737.443
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	32.971.000.376	205.658.886	33.176.659.262
Tại 31/12/2020	32.531.757.136	458.195.775	32.989.952.911

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	4.272.510.237	439.243.240	4.711.753.477
Tăng trong năm	7.319.051.548	828.367.906	8.147.419.454
Tại ngày 31/12/2020	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	4.272.510.237	439.243.240	4.711.753.477
Tại ngày 31/12/2020	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	1,314,043,511	1,379,787,914
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	2,533,522,919	2,625,862,837
Công ty TNHH Kho lạnh Biển Sáng (*)	7,875,000,000	4,500,000,000
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	3,865,951,859	3,450,302,060
Công ty TNHH Hiệu suất Xaerus Việt Nam (*)	1,200,000,000	600,000,000
	16,788,518,289	12,555,952,811

(*) Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc do tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này chưa thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị này.

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	VND	VND
<i>Giá trị đầu tư</i>	1,014,240,000	1,014,240,000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	299,803,511	365,547,914
	1,314,043,511	1,379,787,914
Tổng tài sản	7,063,954,232	10,860,094,634
Tổng công nợ	1,338,016,594	4,085,444,371
Tài sản thuần	5,725,937,638	6,774,650,263
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	1,379,787,914	1,632,497,793
	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu	4,107,789,124	5,025,249,966
Lợi nhuận thuần	(272,830,589)	(1,048,712,625)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	(65,744,403)	(252,709,879)
	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	VND	VND
<i>Giá trị đầu tư</i>	2,355,150,000	2,355,150,000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	178,372,919	270,712,837
	2,533,522,919	2,625,862,837

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	19.980.913.685	20.185.107.089
Tổng công nợ	12.730.174.728	12.670.098.710
Tài sản thuần	7.250.738.957	7.515.008.379
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>2.533.522.919</u>	<u>2.625.862.837</u>
	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	8.829.961.487	34.853.994.022
Lợi nhuận thuần	(264.269.422)	1.010.574.401
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>(92.339.918)</u>	<u>353.110.686</u>
	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm		
Giá trị đầu tư	7.200.000.000	7.200.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(3.334.048.141)	(3.749.697.940)
	<u>3.865.951.859</u>	<u>3.450.302.060</u>
	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	37.004.828.359	13.174.416.767
Tổng công nợ	29.272.924.641	6.273.812.647
Tài sản thuần	7.731.903.718	6.900.604.120
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>3.865.951.859</u>	<u>3.450.302.060</u>
	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	20.465.443.139	10.292.931.354
Lợi nhuận thuần	(1.583.223.372)	(7.499.395.879)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>(791.611.686)</u>	<u>(3.749.697.940)</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	8.950.000.000
C.ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	-	300.000.000
	<u>8.950.000.000</u>	<u>9.250.000.000</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	2.910.586.191	3.428.297.967
Thuế Xuất nhập khẩu	-	101.749.347
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.499.766.460	7.613.381.136
Thuế Thu nhập cá nhân	59.702.266	519.405.218
Các loại thuế khác	-	9.579.538
	<u>10.470.054.917</u>	<u>11.672.413.206</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	27.632.591.133	60.232.470.440
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	30.419.118.032	15.564.816.082
Ngân hàng Standard Chartered Bank	20.293.764.920	3.833.774.890
Vay các cá nhân	-	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.511.338.272	9.188.951.824
	98.856.812.357	91.820.013.236

+ Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú nhuận bao gồm 3 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/1452090/HĐTD ký ngày 24/6/2020 của Tập đoàn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, hạn mức là 90.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.
- Tại ngày 31/07/2020, Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với hạn mức là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất và thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nợ và không quá 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở Lc.
- Hợp đồng ngắn hạn số 01/2020/1458165/HĐTD ký ngày 14/04/2020 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với hạn mức là 40.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Bất động sản gồm nhà và đất tại số 51 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.

+ Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 977/2019/1452090/HĐTD với hạn mức tín dụng là 130 tỷ, Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 28/02/2020. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB được thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay, đảm bảo tiền gửi: ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh đối với tất cả các loại bảo lãnh bằng tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng. Ngày 22 tháng 06 năm 2020, 2 bên đã ký văn bản sửa đổi bổ sung số 2101/2020/1452090/HĐTD gia hạn thời gian cấp hạn mức đến ngày 31/05/2021 và hạn mức tín dụng mới là 120 tỷ đồng.

+ Tại ngày 19/09/2016, Tập đoàn đã ký thư cấp tín dụng ngắn hạn số BFL/092016-743 với Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) với hạn mức là 2.000.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 5 năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng, bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là hàng hóa tại các kho hàng số A5/144H Tô 5, Ấp 1, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, và số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM, chi tiết được ghi rõ trong hợp đồng thế chấp hàng hóa MA/092016-79 và các phụ lục kèm theo.

14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Tập đoàn áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Tập đoàn về xác suất các sản phẩm lỗi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	11.348.600.000	17.908.600.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	6.488.690.007	8.992.173.023
Vay các cá nhân	70.716.926.047	79.916.746.607
	88.554.216.054	106.817.519.630

Tại ngày 06/3/2017, Tập đoàn đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức là 15.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán tiền mượn tạm từ cổ đông của công ty và thanh toán đợt cuối liên quan đến chi phí mua văn phòng làm việc tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Trong năm, Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê tài chính với công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng thuê. Các khoản vay này được bảo đảm bằng chính tài sản thuê.

Khoản vay dài hạn cá nhân là khoản công ty vay tín chấp của cán bộ công nhân viên công ty với thời hạn vay là 24 tháng và lãi suất như sau: vay bằng VNĐ là 0,7%/tháng và USD là 0,25%/tháng hoặc không chịu lãi.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.511.338.272	9.188.951.824
Trong năm thứ hai	80.002.264.319	57.586.955.824
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.551.951.735	46.976.563.806
Sau năm năm	-	2.254.000.000
	109.065.554.326	116.006.471.454
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(20.511.338.272)	(9.188.951.824)
Số phải trả sau 12 tháng	88.554.216.054	106.817.519.630

16. VỐN ĐIỀU LỆ

Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		31/12/2020		Vốn thực góp		01/01/2020	
	VNĐ	%	VNĐ	%	VNĐ	%	VNĐ	%
Ông Nguyễn Bá Trí	45.420.400.000	28,45	45.420.400.000	28,45	43.257.530.000	28,45		
Ông Đặng Anh Tâm	19.316.450.000	12,10	19.316.450.000	12,10	18.341.700.000	12,06		
Ông Bùi Quốc Hưng	25.579.790.000	16,02	25.579.790.000	16,02	24.123.620.000	15,86		
Ông Fuco Rudyanto Chandra	15.885.900.000	9,95	15.885.900.000	9,95	15.129.430.000	9,95		
Cổ đông khác	53.464.620.000	33,48	53.464.620.000	33,48	51.212.290.000	33,67		
	159.667.160.000	100	159.667.160.000	100	152.064.570.000	100		

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.966.716	15.206.457
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.966.716	15.206.457
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.206.457
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.966.716	15.206.457
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.206.457
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	72.861.602.189	75.221.566.952
Vốn điều lệ góp bởi các cổ đông không kiểm soát	3.833.220.000	758.865.400
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	10.659.333.972	12.611.857.584
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(8.012.474.406)	(15.730.687.747)
Các điều chỉnh khác	(190.452.687)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>79.151.229.068</u>	<u>72.861.602.189</u>

19. DOANH THU

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu công trình	20.269.511.194	67.053.884.168
- Doanh thu bán hàng hóa	696.540.465.261	807.650.874.314
- Doanh thu dịch vụ	33.059.206.360	14.725.124.885
	<u>749.869.182.815</u>	<u>889.429.883.367</u>
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	<u>749.869.182.815</u>	<u>889.429.883.367</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bao gồm:		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	13.309.449.113	37.222.274.477
- Giá vốn thành phẩm đã bán	574.044.679.102	696.264.966.521
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.968.283.423	4.536.589.839
	<u>599.322.411.638</u>	<u>738.023.830.837</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	56.841.160	62.727.341
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	166.545.235
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.050.183	255.218.507
Khác	-	1.533.665.000
	<u>217.891.343</u>	<u>2.018.156.083</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	15.766.990.486	12.948.287.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.501.903	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	838.139.980	967.719.291
Khác	8.393.335	5.279.071
	<u>16.689.025.704</u>	<u>13.921.285.959</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	8.533.508.018	9.004.893.720
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	23.600.547	128.193.061
Chi phí bảo hành	5.899.151.449	6.979.781.115
Chi phí khấu hao	280.818.315	218.098.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.030.215.817	1.543.900.592
Chi phí khác bằng tiền	17.500.000	262.273.138
	<u>15.784.794.146</u>	<u>18.137.140.546</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	27.070.438.546	29.280.629.204
Chi phí dự phòng	7.775.549.899	461.954.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.655.075	683.111.936
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.083.864.133	1.644.661.320
Thuế, phí và lệ phí	1.760.323.339	2.437.712.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.548.057.286	10.225.354.218
Chi phí khác	19.661.675.285	23.368.410.979
	<u>72.182.563.563</u>	<u>68.101.834.315</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	45.254.767.319	47.548.646.019
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	-
Lãi của các công ty liên kết	1.015.440.408	3.649.297.133
Chuyển lỗ năm trước ở công ty con	(37.540.712)	(31.089.681)
Cộng: Lỗ của các công ty con	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.415.985.340	2.251.814.165
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	-
Thu nhập chịu thuế	47.648.652.355	53.418.667.636
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	10.083.341.466	11.163.381.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(982.377.141)	-
Thuế phải nộp theo quyết toán những năm trước	-	99.577.670
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.100.964.325	11.262.958.776

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.494.469.022	23.673.829.659
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.438.448.689)	(7.474.434.150)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.056.020.333	16.199.395.509
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.427.245	14.785.753
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.235	1.096


PHAN QUANG VINH**Kế toán trưởng**

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

**NGUYỄN BÁ TRÍ****Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

THÔNG TIN THÊM:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẬP ĐOÀN NĂM 2020

CHỈ TIÊU	NĂM 2020								
	HOLDING	CÓ PHẦN	HOÀNG TÂM	AC&R	BA HUÂN	RECOM	TVTK	LIÊN KẾT	TỔNG CỘNG
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN HN	17.442.299.835	27.949.658.314	4.090.034.908	4.330.382.565	3.969.972.775	(477.157.902)	37.540.711	-	57.342.731.206
2. Ảnh hưởng của Điều chỉnh HN:									
2.1 Phần TN từ Maviflex	-	-	-	-	-	-	-	(65.744.403)	(65.744.403)
2.2 Phần TN từ Iwatani	-	-	-	-	-	-	-	(92.339.918)	(92.339.918)
2.3 Phần TN từ Inox Hoàng Tâm	-	-	-	-	-	-	-	(791.611.686)	(791.611.686)
2.4 Cổ tức từ Hưng Trí CP	(11.485.956.600)	-	-	-	-	-	-	-	(11.485.956.600)
2.5 Cổ tức từ Ba Huân	(209.773.101)	-	(23.308.122)	-	-	-	-	-	(233.081.223)
2.6 Cổ tức từ Hoàng Tâm	(3.157.813.681)	(538.876.055)	-	-	-	-	-	-	(3.696.689.736)
2.7 Cổ tức từ AC&R	(4.823.504.646)	-	-	-	-	-	-	-	(4.823.504.646)
3. Lợi nhuận sau điều chỉnh HN	(2.234.748.193)	27.410.782.259	4.066.726.786	4.330.382.565	3.969.972.775	(477.157.902)	37.540.711	(949.696.007)	36.153.802.994
4. Phân chia lợi nhuận:									
4.1 Công ty mẹ	(2.234.748.193)	18.212.170.557	2.661.022.688	4.276.252.783	3.833.528.781	(330.340.085)	26.278.498	(949.696.007)	25.494.469.022
4.2 Cổ đông không kiểm soát	-	9.198.611.702	1.405.704.098	54.129.782	136.443.994	(146.817.817)	11.262.213	-	10.659.333.972



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

